

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 4 - 2019

V/v Ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Trọng

Ông Hoàng Trọng Giáp

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 10/4/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 236/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/3/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ: Ông Nguyễn Thanh H – Thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978. Có mặt

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái.

Địa chỉ liên hệ: Ông Nguyễn Thanh H – Thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái vào ngày 22/9/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng nhau tại thôn M, xã M, huyện T; đến tháng 01/2006 hai vợ chồng về nhà bố mẹ chị H ở thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái làm nhà ở. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên rượu chè đến đêm mới về, chửi bới, đập phá, đánh đập chị H nhiều lần, hai vợ chồng sống không có tiếng nói chung. Chị H thấy tình cảm vợ chồng với anh T không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có hai người con chung là Nguyễn Thuỳ L, sinh ngày 29/6/2006 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 17/11/2008. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/01/2019, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T công nhận về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn còn nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là xuất phát từ hai người, chị H không chịu dọn dẹp nhà cửa và gần đây nhất là do anh T đi làm gỗ bị thua lỗ; hai vợ chồng nói xúc phạm nhau, trong những lần cãi nhau anh T không kiềm chế được đã đánh chị H; anh T không thường xuyên đánh chị H như chị H đã khai. Nay chị H xin ly hôn anh T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với chị H và mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn Thuỳ L, sinh ngày 29/6/2006 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 17/11/2008, anh T không đồng ý ly hôn nên không có yêu cầu gì về con chung; nếu trường hợp phải ly hôn thì anh T đề nghị được nuôi cháu N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các khoản nợ chung: Anh T xác nhận vợ chồng có một số tài sản chung là 01 nhà gỗ xoan + mỡ bốn gian dựng trên đất ông Nguyễn Thanh H (Bố đẻ chị H) tại thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, trị giá 5.000.000 đồng; 10 con lợn, 02 con khoảng 70kg, 08 con khoảng 40kg; tiền san gạt đất 63.000.000 đồng và nợ ngân hàng chính sách huyện T 42.000.000 đồng. Nếu phải ly hôn đề nghị Toà án chia tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Yên Bái phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp và nội dung tranh tụng tại phiên toà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T
- Về nuôi con chung: Giao hai người con Nguyễn Thuỳ L và Nguyễn Tường N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh T yêu cầu giải quyết nhưng không có tài liệu cung cấp nên không xem xét giải quyết trong vụ án này nếu anh T có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.
- Về án phí và quyền kháng cáo: Theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn M, xã M, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái; đến tháng 01/2006 hai vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ chị H ở thôn T, xã A, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh T thường xuyên rượu chè đến đêm mới về, chửi bới, đập phá, đánh đập chị H nhiều lần, hai vợ chồng sống không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến gia đình vợ con; chị H yêu cầu được ly hôn. Anh T mong muốn gia đình được đoàn tụ, tuy nhiên, khi Tòa án triệu tập để hoà giải tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ, nhưng trong phiên hoà giải chị H vẫn cương quyết ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn chị H nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc không đồng ý ly hôn và không có giải pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T, anh T không có phương pháp nào để cải thiện cuộc sống vợ chồng; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn

của chị H cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị H và anh T xác nhận vợ chồng có hai người con chung là Nguyễn Thuỳ L, sinh ngày 29/6/2006 và Nguyễn Tường N, sinh ngày 17/11/2008. Nguyên vọng của cháu L và cháu N là được ở với mẹ, chị H cũng có nguyện vọng được nuôi hai con không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy để đảm bảo mọi mặt về quyền và lợi ích của các con, cần giao hai người con Nguyễn Thuỳ L và Nguyễn Tường N cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Anh T không phải cấp dưỡng hai con chung.

[4] *Về tài sản và nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh T yêu cầu Toà án giải quyết nhưng khi Thẩm phán yêu cầu bổ sung đơn, tài liệu chứng cứ thì anh T không thực hiện. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này nếu anh Thảo có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ kiện khác.

[5] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung*: Giao hai người con Nguyễn Thuỳ L và Nguyễn Tường N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06602 ngày 07/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Án xử sơ thẩm công khai, chị H, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- UBND xã M, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án; TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Trung